TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 22 tháng 02 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tần;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST – HPT ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
Hiện đang ở nước ngoài. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H kết hôn ngày 07/3/2006 đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã X), huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chồng, 01 tháng sau đó vợ chồng ra ở riêng tại khu 7, xã C nay là khu 1, xã X. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, từ tháng

4/2011 Anh H đi lao động ở nước ngoài, sau đó về nước và xuất cảnh nhiều lần, lần cuối cùng xuất cảnh vào tháng 9/2019. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân Anh H đi nước ngoài vợ chồng ít liên lạc với nhau nên ngày càng xa cách, từ tháng 7/2020 đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị thấy rằng vợ chồng đã hết tình cảm không thể chung sống được với nhau nên chị làm đơn xin được ly hôn với Anh H. Anh H đi nước ngoài chị không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/12/2006 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/01/2010. Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H khai vợ chồng có tài sản chung, công nợ chung nhưng chị không đề nghị Tòa án giải quyết mà đề nghị Tòa án tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

Về công sức đóng góp: Chị xác định vợ chồng không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình nên khi ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn anh Nguyễn Thanh H hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số 28560/QLXNC – P5 ngày 25/11/2021 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 23/11/2021 xác định Anh H xuất cảnh lần cuối cùng ngày 19/7/2019. Do Chị H không biết địa chỉ của Anh H ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Toàn (mẹ đẻ Anh H) và được bà Toàn cung cấp như sau: bà là mẹ đẻ của Anh H và là mẹ chồng của chị H, các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã nhận được nhưng gia đình không liên lạc và cũng không biết địa chỉ cụ thể của Anh H ở đâu, quá trình chung sống Anh H và Chị H cũng không được hòa thuận đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn và bà có quan điểm vợ chồng Anh H, Chị H ly hôn nhau thì do các cháu quyết định.

Về con chung: Anh H và Chị H có hai con chung và hiện nay các cháu đang ở với chị H.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản là nhà đất.

Về công nợ: Bà không biết Anh H và Chị H có nợ ai không.

Về công sức đóng góp: không có công sức gì đóng góp cho gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương để xác định tình trạng hôn nhân giữa Chị H và Anh H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung:

Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Thanh H cho Chị H nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi từng cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện Không yêu cầu Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí hôn nhân-gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thanh H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Chị H trình bày hiện Anh H đang ở nước ngoài. Tại công văn số 28560/QLXNC – P5 ngày 25/11/2021 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 23/11/2021của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Nguyễn Thanh H đã xuất cảnh lần cuối cùng ngày 19/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này Anh H không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị H đề nghị xin ly hôn với Anh H và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh H là ở xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ của Anh H ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh H là bà Nguyễn Thị Toàn (mẹ đẻ Anh H) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của Anh H ở đâu tại nước ngoài. Mặt khác, trước đó Anh H có gửi Zalo cho Chị H đơn xin ly hôn và đơn xin từ chối tài sản. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung; Chị H

có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh H và chị H.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/3/2006 tại UBND xã C (nay là xã X), huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H và Anh H có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị H quan điểm sống không hợp nhau, kể từ khi Anh H đi nước ngoài vợ chồng ít liên lạc và ngày càng xa cách, kể từ tháng 7/2020 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Mặt khác, để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa Chị H và Anh H ngày 12/01/2022 Tòa án đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương gồm (đại diện UBND, cán bộ tư pháp, hội phụ nữ, trưởng khu 1 xã X) và được cung cấp vợ chồng chị H, Anh H có xảy ra mâu thuẫn, Anh H đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị H. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Anh H và Chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị H được ly hôn Anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và Anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/12/2006 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/01/2010. Hiện nay các cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn nguyện vọng của Chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và có đủ điều kiện nuôi con, bản thân cháu Khánh và cháu Huyền cũng có nguyện vọng xin được ở với Chị H nên cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Mặt khác, Anh H đang ở nước ngoài không có thời gian cũng như điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Do vậy, Tòa án thấy rằng cần giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/12/2006 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/01/2010 cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Chị H tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H..

[2]. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 02/12/2006 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/01/2010 đến khi các cháu thành niên.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H vì Chị H tự nguyện không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000114 ngày 06/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Các hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Xuân Áng;
- L- u hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang